

A. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC

1. Vai trò và triển vọng của chăn nuôi

- Vai trò của chăn nuôi.
- Triển vọng của chăn nuôi trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.
- Một số thành tựu nổi bật của việc ứng dụng công nghệ cao trong chăn nuôi.
- Những yêu cầu cơ bản với người lao động của một số ngành nghề phổ biến trong chăn nuôi.

2. Vật nuôi và phương thức chăn nuôi

- Phân loại vật nuôi theo đặc tính sinh vật học, mục đích sử dụng.
- Một số phương thức chăn nuôi phổ biến ở Việt Nam.
- Đặc điểm của chăn nuôi bền vững, chăn nuôi thông minh.

3. Khái niệm, vai trò của giống trong chăn nuôi

- Khái niệm, vai trò của giống vật nuôi.

4. Chọn giống vật nuôi

- Một số phương pháp chọn giống vật nuôi phổ biến.

5. Nhân giống vật nuôi

- Các phương pháp nhân giống vật nuôi phổ biến.

6. Ứng dụng công nghệ sinh học trong chọn và nhân giống vật nuôi

- Các công nghệ sinh học được ứng dụng trong chọn và nhân giống vật nuôi.

7. Thức ăn và nhu cầu dinh dưỡng của vật nuôi

- Thức ăn chăn nuôi.
- Nhu cầu dinh dưỡng của vật nuôi.
- Tiêu chuẩn ăn của vật nuôi.
- Khẩu phần ăn của vật nuôi.

8. Sản xuất và chế biến thức ăn chăn nuôi

- Một số phương pháp sản xuất, chế biến thức ăn chăn nuôi phổ biến.
- Lựa chọn được phương pháp phù hợp để chế biến thức ăn cho các đối tượng vật nuôi khác nhau.

9. Bảo quản thức ăn chăn nuôi

- Một số phương pháp bảo quản thức ăn chăn nuôi.
- Lựa chọn được phương pháp bảo quản một số loại thức ăn vật nuôi phù hợp với thực tiễn của gia đình, địa phương.

10. Thực hành: Chế biến, bảo quản thức ăn cho vật nuôi

- Thực hiện được chế biến và bảo quản một số loại thức ăn chăn nuôi

11. Vai trò của phòng trị bệnh trong chăn nuôi.

- Trình bày được vai trò của phòng, trị bệnh trong chăn nuôi
- Đề xuất được các biện pháp an toàn cho người, vật nuôi và môi trường.

12. Một số bệnh phổ biến ở lợn và biện pháp phòng trị

- Mô tả được đặc điểm, nêu được nguyên nhân và biện pháp phòng, trị một số bệnh phổ biến ở lợn.

13. Một số bệnh phổ biến ở gia cầm và biện pháp phòng trị bệnh

- Mô tả được đặc điểm, nêu được nguyên nhân và biện pháp phòng, trị một số bệnh phổ biến ở gia cầm.

B. MỘT SỐ CÂU HỎI ÔN TẬP

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Ý nào sau đây là vai trò của chăn nuôi đối với đời sống kinh tế - xã hội?

- A. Phục vụ cho tham quan, du lịch, lưu giữ nét văn hóa truyền thống.
- B. Cung cấp thiết bị cho các ngành nghề khác.
- C. Thúc đẩy sản xuất, nâng cao chất lượng cuộc sống.
- D. Giảm sức lao động, tăng năng suất và tiết kiệm tài nguyên.

Câu 2: Triển vọng của ngành chăn nuôi là

- A. thu hút nhiều nhà đầu tư quốc tế.
- B. hiện đại hóa, ứng dụng công nghệ cao, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và bền vững.
- C. ngày càng có nhiều nhân lực, nhân công có trình độ.
- D. mở rộng quy mô lớn, trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.

Câu 3: Một trong những vai trò quan trọng của ngành chăn nuôi đối với đời sống con người là

A. cung cấp nguyên liệu để sản xuất ra các mặt hàng tiêu dùng.

B. cung cấp nguồn thực phẩm có dinh dưỡng cao.

C. cung cấp nguồn gene quý hiếm.

D. cung cấp nguồn đam động vật bổ dưỡng, dễ tiêu hóa, không gây béo phì.

Câu 4. Công nghệ nào sau đây được ứng dụng để xử lý chất thải và bảo vệ môi trường trong chăn nuôi?

A. Công nghệ cấy truyền phôi.

B. Công nghệ thu gom trứng.

C. Công nghệ biogas.

D. Công nghệ tắm rửa vật nuôi.

Câu 5. Chăn thả tự do có ưu điểm là

A. chi phí đầu tư thấp.

B. năng suất cao.

C. đảm bảo an toàn sinh học.

D. ít xảy ra dịch bệnh.

Câu 6: Xu hướng chăn nuôi nào có đặc điểm “Luôn đảm bảo hài hòa về lợi ích của người chăn nuôi, người tiêu dùng, vật nuôi và bảo vệ môi trường”?

A. Chăn nuôi công nghiệp.

B. Chăn nuôi thông minh.

C. Chăn nuôi bền vững.

D. Chăn thả tự do.

Câu 7: Giống vật nuôi là

A. quần thể vật nuôi cùng loài, cùng nguồn gốc, được hình thành, củng cố, phát triển do tác động của con người.

B. quần thể vật nuôi cùng loài, cùng nguồn gốc, có ngoại hình và cấu trúc di truyền tương tự nhau, được hình thành, củng cố, phát triển do tác động của thiên nhiên.

C. quần thể vật nuôi cùng loài, cùng nguồn gốc, có ngoại hình và cấu trúc di truyền tương tự nhau, được hình thành, củng cố, phát triển do tác động của con người.

D. quần thể vật nuôi cùng loài, cùng nguồn gốc, có ngoại hình và cấu trúc di truyền tương tự nhau, được hình thành, củng cố, phát triển do tác động của máy móc.

Câu 8: Phát biểu nào dưới đây **không** đúng khi nói về phương pháp chọn lọc hàng loạt?

A. Phương pháp thường được áp dụng khi cần chọn lọc nhiều cá thể vật nuôi để làm giống trong một thời gian ngắn.

B. Phương pháp dễ tiến hành, không đòi hỏi kỹ thuật cao, ít tốn kém.

C. Phương pháp cho hiệu quả chọn lọc thường không cao và không ổn định.

D. Phương pháp chọn ra giống có độ đồng đều, năng suất ổn định.

Câu 9: “Lai giữa lợn đực ngoại Yorkshire với lợn cái Móng Cái để tạo ra con lai F1 có khả năng sinh trưởng nhanh, tỉ lệ nạc cao và thích nghi với điều kiện chăn nuôi của Việt Nam.” là ví dụ về phương pháp lai nào?

A. Lai cải tiến B. Lai thuần chủng C. Lai kinh tế phức tạp D. Lai kinh tế đơn giản

Câu 10: Chọn lọc hàng loạt có hiệu quả chọn lọc thường không cao và không ổn định vì

A. chủ yếu căn cứ vào kiểu hình, chưa biết được kiểu gene.

B. chỉ căn cứ vào thể chất mà không quan tâm đến kiểu hình.

C. chủ yếu quan tâm đến khả năng sinh trưởng, phát dục.

D. chỉ quan tâm đến kiểu gene mà không quan tâm đến khả năng sản xuất.

Câu 11. Nhân giống vật nuôi gồm các phương pháp là

A. nhân giống thuần chủng và gây đột biến. B. lai giống và gây đột biến.

C. nhân giống thuần chủng và chọn lọc cá thể.

D. nhân giống thuần chủng và lai giống.

Câu 12. Thức ăn giàu vitamin chủ yếu có vai trò gì đối với vật nuôi?

A. Cung cấp năng lượng cho các hoạt động sống. B. Tham gia cấu trúc xương.

C. Điều hòa quá trình trao đổi chất trong cơ thể.

D. Tổng hợp các loại protein đặc trưng.

Câu 13. Tiêu chuẩn ăn của vật nuôi là nhu cầu các chất dinh dưỡng của vật nuôi trong

A. một giờ.

B. một ngày đêm.

C. hai ngày đêm.

D. một tháng.

Câu 14. Nguyên liệu nào thường sử dụng chế biến thức ăn giàu tinh bột cho vật nuôi?

A. Bột ngô, khoai, sắn. B. Các loại bột tôm, cá. C. Bột vỏ tôm, vỏ cua. D. Các loại rau cỏ, lá cây.

Câu 15. Nguyên liệu nào sau đây **không** được sử dụng để sản xuất thức ăn cho vật nuôi?

A. Sản phẩm và phụ phẩm trồng trọt.

B. Các loại hải sản.

C. Phụ phẩm của công nghiệp chế biến thực phẩm. D. Các loại hóa chất, dầu mỏ.

Câu 17. Quy trình chế biến thức ăn sử dụng vi sinh vật gồm mấy bước?

A. 3.

B. 4.

C. 5.

D. 6.

Câu 18. Bước đầu tiên trong quy trình sản xuất thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dạng bột cho vật nuôi là

A. phối trộn nguyên liệu.

B. lựa chọn nguyên liệu.

C. nghiền nhỏ nguyên liệu.

D. sấy khô nguyên liệu.

Câu 19. Phương pháp sản xuất thức ăn truyền thống có ưu điểm gì so với phương pháp sản xuất thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh?

- A. thức ăn được tạo ra có thời gian bảo quản lâu hơn. B. thức ăn được tạo ra có chất lượng cao hơn.
C. đơn giản, dễ thực hiện hơn. D. phù hợp với nhiều đối tượng vật nuôi hơn.

Câu 20. Phương pháp nghiền nhỏ thức ăn chăn nuôi có ưu điểm là

- A. khử các chất độc có trong thức ăn. B. giúp tăng hiệu quả tiêu hóa thức ăn.
C. nâng cao giá trị dinh dưỡng của thức ăn. D. nâng cao tỉ lệ protein trong thức ăn.

Câu 21. Một số phương pháp được sử dụng để bảo quản thức ăn chăn nuôi là

- A. bảo quản trong kho, làm khô. B. nấu chín, sấy khô.
C. ép viên, nấu chín. D. bảo quản trong kho, nghiền nhỏ.

Câu 22. Đây là công thức ủ chua thức ăn thô, xanh hợp lí?

- A. 10 kg cây ngô tươi (rau tươi) + 0.05 kg muối + 2 kg đường hoặc rỉ mật.
B. 10 kg cây ngô tươi (rau tươi) + 0.5 kg muối + 0.2 kg đường hoặc rỉ mật.
C. 10 kg cây ngô tươi (rau tươi) + 0.05 kg muối + 0.2 kg đường hoặc rỉ mật.
D. 10 kg cây ngô tươi (rau tươi) + 0.5 kg muối + 2 kg đường hoặc rỉ mật.

Câu 23: Nhiệm vụ cơ bản của công tác giống là

- A. chọn lọc giống vật nuôi. B. chọn lọc và nhân giống vật nuôi.
C. nuôi dưỡng giống vật nuôi D. bảo vệ giống vật nuôi.

Câu 24. Ưu điểm của phương pháp bảo quản thức ăn chăn nuôi bằng kho silo là

- A. thời gian bảo quản ngắn. B. dễ thực hiện, ít tốn kém.
C. sức chứa lớn, tự động hóa, tiết kiệm diện tích. D. chi phí đầu tư ban đầu cao.

Câu 25: Ý nào dưới đây **không** đúng khi nói về vai trò của giống trong chăn nuôi?

- A. Quyết định đến năng suất chăn nuôi.
B. Quyết định chất lượng sản phẩm chăn nuôi.
C. Ảnh hưởng đến khả năng thích nghi và hiệu quả sử dụng thức ăn của vật nuôi.
D. Quyết định đến khả năng chống lại các bệnh xảy ra ở vật nuôi.

Câu 26. Đây là quy trình sử dụng VSV để ủ chua thức ăn trong chăn nuôi?

- A. Lựa chọn nguyên liệu → Phơi héo, cắt ngắn → Ủ → Đánh giá chất lượng sử dụng.
B. Phơi héo, cắt ngắn → Lựa chọn nguyên liệu → Ủ → Đánh giá chất lượng sử dụng.
C. Lựa chọn nguyên liệu → Phơi héo, cắt ngắn → Đánh giá chất lượng sử dụng → Ủ.
D. Lựa chọn nguyên liệu → Ủ → Phơi héo, cắt ngắn → Đánh giá chất lượng sử dụng.

Câu 27. Ứng dụng công nghệ cao trong chế biến thức ăn chăn nuôi gồm

- A. phương pháp cắt ngắn, nấu chín, nghiền nhỏ. B. đường hóa, xử lý kiềm.
C. chế biến nhờ công nghệ vi sinh, dây chuyền tự động. D. phương pháp sử dụng VSV để ủ chua.

Câu 28: “Sức chứa lớn, có thể tự động hoá trong quá trình nhập, xuất kho, tiết kiệm diện tích và chi phí lao động” là ưu điểm của phương pháp

- A. bảo quản thức ăn bằng silo. B. bảo quản theo phương thức truyền thống.
C. bảo quản theo cách đồ rời. D. bảo quản trong kho.

Câu 29: Đây **không** phải một bệnh ở vật nuôi?

- A. Bệnh Circo virus B. Bệnh dịch tả vịt C. Bệnh đầu đen D. Bệnh trầm cảm

Câu 30: Khi nói về vai trò của phòng, trị bệnh đối với vật nuôi. Đáp án nào đúng?

- (1). Bảo vệ vật nuôi. (2). Nâng cao hiệu quả chăn nuôi.
(3). Bảo vệ sức khỏe con người và môi trường. (4). Tăng thiệt hại trong chăn nuôi
A. (1), (2), (3). B. (2), (3), (4). C. (1), (3), (4). D. (1), (2), (4).

Câu 31: Virus gây bệnh dịch tả lợn cổ điển là loại:

- A. RKN virus, thuộc chi furovirus, họ Rubivirata
B. RKN virus, thuộc chi tombusvirus, họ Camaviridae
C. RNA virus, thuộc chi Comovirus, họ Picornavirata
D. RNA virus, thuộc chi Pestivirus, họ Flaviviridae

Câu 32: Đây **không** phải một biện pháp đúng để phòng bệnh dịch tả lợn cổ điển?

- A. Hạn chế người lạ vào khu chăn nuôi B. Cách li 100 ngày với lợn mới nhập về
C. Chú ý giữ gìn vệ sinh D. Để trống chuồng 2 tuần giữa các lứa nuôi

Câu 33: Bệnh tai xanh ở lợn lây nhiễm

- A. trực tiếp. B. Gián tiếp.
C. Trực tiếp giữa lợn ốm, lợn mang virus với lợn khỏe; gián tiếp qua các nhân tố trung gian bị nhiễm virus
D. không lây nhiễm

Câu 34: Bệnh tụ huyết trùng ở lợn thuộc loại bệnh gì?

- A. Bệnh truyền nhiễm. B. Bệnh không truyền nhiễm. C. Bệnh kí sinh trùng. D. Bệnh di truyền.

Câu 35: Bệnh cúm gia cầm là:

- A. Một trong những bệnh truyền nhiễm cấp tính ở gia cầm
B. Một trong những bệnh truyền nhiễm ít nguy hiểm nhất ở gia cầm
C. Một trong những bệnh kí sinh trùng nguy hiểm nhất ở gia cầm
D. Một trong những bệnh kí sinh trùng ít nguy hiểm nhất ở gia cầm

Câu 36: Đặc trưng của bệnh cúm gia cầm?

- A. Sốt cao, nhiễm trùng đường hô hấp và tiêu hóa, kèm theo thần kinh.
B. Con vật sốt cao, mệt mỏi, ủ rũ, đi loạng choạng, quay cuồng, khó thở, chảy nước mắt, nước mũi.
C. Qua thời gian ủ bệnh, từ 1 đến 3 ngày sau thì con vật chết do suy hô hấp và ngạt thở.
D. Mào hết nước, thâm tím.

Câu 37: Điều **không** phải biện pháp phòng bệnh cúm gia cầm đúng cách?

- A. Dùng đồ bảo hộ lao động B. Không ăn sản phẩm gia cầm chưa nấu chín
C. Không thả rông D. Nuôi phối hợp nhiều loại gia cầm với nhau

Câu 38: Nguyên nhân gây ra bệnh gà rù (Newcastle) ở gà do

- A. vi khuẩn. B. virus. C. suy dinh dưỡng. D. môi trường nóng hay lạnh quá.

Câu 39: Đặc trưng của bệnh Newcastle là gì?

- A. Gây viêm, xuất huyết các cơ quan hô hấp và tiêu hóa.
B. Chủ yếu gây viêm khớp và tổn thương cơ xương.
C. Gây bệnh ở da và lông, thường không nguy hiểm.
D. Tình trạng nhiễm trùng máu, không gây tử vong.

Câu 40: Nguyên nhân của bệnh tụ huyết trùng gia cầm là gì?

- A. Virus thuộc họ Paramyxoviridae. B. Vi khuẩn *Pasteurella multocida*.
C. Ký sinh trùng thuộc nhóm cầu trùng (*Eimeria*). D. Nấm thuộc họ Aspergillaceae.

II. Tự luận:

Câu 1: Em hãy cho biết một số phương pháp bảo quản thức ăn cho vật nuôi trong mùa mưa lạnh?

Câu 2: Trong một trang trại chăn nuôi lợn, có một số vấn đề sau:

- Khu vực xử lý chất thải chưa được che chắn, dẫn đến nước thải chảy tràn ra khu vực xung quanh.
 - Một số công nhân không sử dụng đầy đủ trang bị bảo hộ lao động như găng tay, khẩu trang khi làm việc.
 - Môi trường trong chuồng nuôi có mùi hôi và độ ẩm cao, gây ảnh hưởng đến sức khỏe vật nuôi và công nhân.
- Dựa vào kiến thức đã học ở bài: Phòng, trị bệnh trong chăn nuôi. Em hãy đề xuất những biện pháp để đảm bảo an toàn cho: (Người lao động làm việc tại trang trại, vật nuôi trong trang trại, môi trường xung quanh khu vực chăn nuôi)

Câu 3. Tại một địa phương có quy mô chăn nuôi gia cầm khá lớn, gần đây xuất hiện một số ca bệnh ở gà do dịch cúm gia cầm. Người dân trong khu vực lo ngại về khả năng lây lan của dịch bệnh. Ngoài ra, hệ thống chuồng trại chưa được cải tiến, chất thải gia cầm thường xuyên không được xử lý triệt để, gây ô nhiễm môi trường và nguy cơ lây bệnh sang con người. Dựa vào kiến thức đã học. Em hãy đề xuất các biện pháp nào để: (Phòng ngừa dịch bệnh cho đàn gia cầm, bảo vệ sức khỏe cho người chăn nuôi và cộng đồng xung quanh, hạn chế tác động tiêu cực đến môi trường từ hoạt động chăn nuôi)